

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN ĐẾN SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CỦA GIỐNG DƯA MẬT (HONEYDEW MELON)

Vũ Thị Ánh, Nguyễn Văn Hồng*, Trần Thị Tý
 Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thí nghiệm nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón đến sinh trưởng, phát triển của giống dưa Mật. Kết quả các thí nghiệm cho thấy: (i) Bón lót phân hữu cơ sinh học Nông Lâm có ảnh hưởng tốt đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây dưa Mật. Cụ thể: Sau trồng 35 ngày, chiều cao cây trung bình đạt 113,44cm, đường kính thân trung bình đạt 0,75 cm, số nhánh đạt 13 nhánh/cây, số lá đạt 14,22 lá, lá có màu xanh thẫm. Số hoa đực là 59,61 hoa/cây, số hoa cái ra là 5,55 hoa/cây. Tỷ lệ đậu quả đạt 52,49%, trọng lượng quả chín đạt 2,53kg/quả, chất lượng quả tốt; (ii) Bón thúc bằng phân NPK Lâm Thao (12:5:10) có tác động tốt nhất đến sinh trưởng, phát triển của cây dưa Mật. Cụ thể: Sau trồng 35 ngày chiều cao cây trung bình đạt 103,06 cm/cây, đường kính thân trung bình đạt 0,73 cm/cm, số nhánh đạt 15 nhánh/cây, số lá đạt 13,89 lá/cây, lá có màu xanh thẫm. Số hoa đực là 46,17 hoa/cây, số hoa cái ra là 4,32 hoa/cây. Tỷ lệ đậu quả đạt 52,87%, trọng lượng quả chín đạt 2,43kg/quả, chất lượng quả tốt.

Từ khóa: Phân bón lót, phân bón thúc, sinh trưởng, phát triển, dưa Mật.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dưa Mật (Honeydew Melon) là loại dưa hiện đang được người tiêu dùng ưa chuộng vì có hương thơm quyến rũ với vị ngọt mát và giá trị dinh dưỡng cao. Loại dưa này rất giàu vitamin C, B6, folate và kali bên cạnh đó hàm lượng chất béo, cholesterol và sodium rất thấp. Điều này có ý nghĩa rất tốt trong việc bảo vệ sức khỏe và giảm cân. Theo kết quả phân tích trong 160g quả tươi thì các thành phần dinh dưỡng quan trọng gồm có Carbohydrates (10,5g), sơ (1,5g), chất béo (0,5g), và năng lượng (210 kJ)[5].

Dưa Mật được trồng ở Việt Nam trong những năm gần đây và hầu hết các tỉnh mới đưa vào thử nghiệm. Một số vùng đã thử nghiệm thành công trên các giống dưa Tú Thanh (Hà Tĩnh, năm 2009), giống dưa vàng Starplus F1 và Sienne F1 (Công ty cổ phần Hoa nhiệt đới Mộc Châu, 2010),... với giá bán trên thị trường dao động từ 80.000-150.000 đồng/kg. Như vậy, trồng dưa Mật hứa hẹn mang lại nguồn thu nhập khá cao cho người sản xuất.

Dưa Mật cũng như nhiều các loại cây trồng khác muốn sinh trưởng, phát triển cho năng

suất cao và chất lượng tốt cần phải bón đầy đủ chất dinh dưỡng. Không chỉ dinh dưỡng đa lượng, trung lượng và vi lượng là những nguyên tố quan trọng trong việc cấu thành nên năng suất và chất lượng của dưa. Tuy nhiên, việc sử dụng phân bón không đúng cách, đúng liều lượng, bón không cân đối cũng làm giảm hiệu lực của phân bón đến cây trồng nói chung và cây dưa nói riêng. Người trồng dưa hiện nay vẫn chưa yên tâm vì trong thực tế sản xuất mới chỉ manh mún, chưa có quy trình kỹ thuật trồng trọt và chăm sóc chuẩn cho cây dưa Mật. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu xác định công thức phân bón thích hợp cho cây dưa Mật.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

* **Vật liệu nghiên cứu:** Giống cây dưa Mật (*Honeydew melon*) được trồng từ hạt lai F1, nhập nội từ Hà Lan.

* **Địa điểm nghiên cứu:** Khu nhà lưới - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

* **Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp bố trí thí nghiệm: Các thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên hoàn toàn (RCBD), với 3 lần nhắc lại, mỗi lần nhắc lại 30 cây dưa Mật [3].

* Tel: 0987 875 852; Email: bachhopflowers2007@gmail.com

- Các thí nghiệm tiến hành:

Thí nghiệm 1: Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón lót tới sinh trưởng, phát triển của giống dưa Mật.

Thí nghiệm tiến hành với 03 công thức: CT1: bón phân hữu cơ sinh học Nông Lâm, CT2: bón phân vi sinh Sông Gianh, CT3: bón phân NPK Lâm Thao (5:10:3).

Cách bón phân:

+ Bón lót: Loại phân bón tùy từng công thức thí nghiệm. Phân hữu cơ sinh học nông lâm: 200g/hốc trộn đều với đất; Phân vi sinh Sông Gianh: 200g/hốc trộn đều với đất; Phân NPK (5:10:3): 200g/hốc trộn đều với đất.

+ Bón thúc: Sử dụng phân bón NPK Lâm thao (12:5:10). Bón vào 3 đợt: Đợt 1 (thúc sinh trưởng): sau trồng 1 tuần, bón khoảng 5 - 10 gram/hốc; Đợt 2 (thúc ra hoa): sau trồng 20 - 25 ngày, bón khoảng 5 - 10 gram/hốc; Đợt 3 (thúc quả): sau trồng 40 - 45 ngày (sau khi định quả), liều lượng bón khoảng 10 gram/hốc.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón lót đến sinh trưởng thân, lá của dưa Mật

Bảng 1. Ảnh hưởng của một số loại phân bón lót đến sinh trưởng thân, lá của dưa Mật

CT TN	Loại phân bón	Chỉ tiêu sinh trưởng lá				Chỉ tiêu sinh trưởng thân		
		Số lá (lá)	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Màu sắc lá	Chiều cao cây TB (cm)	Đường kính thân TB (cm)	Số nhánh/cây (nhánh)
CT1	Phân hữu cơ sinh học Nông Lâm	14,22 ^a	18,73 ^b	15,01 ^a	Xanh thẫm	113,44 ^a	0,75 ^a	13 ^a
CT2	Phân vi sinh Sông Gianh	14,28 ^a	18,03 ^c	14,11 ^a	Xanh thẫm	108,72 ^b	0,73 ^a	12 ^a
CT3	Phân NPK Lâm Thao (5:10:3)	13,89 ^a	19,36 ^a	14,72 ^a	Xanh nhạt	105,72 ^c	0,74 ^a	8 ^b
LSD _{0,5}		0,94	0,5	1,39		3,43	0,03	1,83
CV%		2,90	1,20	4,20		1,4	1,7	7,9

Về chỉ tiêu sinh trưởng lá: Số lá trung bình ở các công thức thí nghiệm dao động từ 13,89 lá đến 14,28 lá, không thể hiện sự khác biệt và đều được xếp ở mức “a” trong so sánh Duncan (với độ tin cậy 95%). Trong đó, CT2 có số lá trung bình cao nhất đạt 14,28 lá, màu sắc xanh thẫm. Với độ tin cậy 95%, ở các công thức thí nghiệm chiều rộng lá dao động từ 14,11cm đến 15,01cm, không

thể hiện sự sai khác và đều được xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Chiều dài lá trong các công thức thí nghiệm dao động từ 18,73 cm đến 19,36 cm và được xếp theo thứ tự giảm dần ở các mức “a”, “b”, “c” trong so sánh dulcan. Trong đó CT3 có chiều dài lá lớn nhất trung bình đạt 19,36 cm xếp ở mức “a”.

Bảng 2. Ảnh hưởng của một số loại phân bón lót tới sự ra hoa của dưa Mật

CT TN	Loại phân bón	Thời gian ra hoa đực (ngày)	Số hoa đực (hoa)	Thời gian ra hoa cái (ngày)	Số hoa cái (hoa)
CT1	Phân hữu cơ sinh học Nông Lâm	24,00 ^a	59,61 ^a	34,33 ^a	5,55 ^a
CT2	Phân vi sinh Sông Gianh	25,00 ^a	51,44 ^a	34,67 ^a	4,34 ^b
CT3	Phân NPK Lâm Thao (5:10:3)	25,00 ^a	50,89 ^a	35,00 ^a	4,28 ^c
	LSD _{0,5}	1,31	12,74	1,85	0,62
	CV%	2,3	10,4	2,4	3,5

Về chỉ tiêu sinh trưởng thân: Chiều cao cây trung bình ở các công thức thí nghiệm dao động từ 105,72cm đến 113,44cm và được xếp theo thứ tự giảm dần ở các mức “a”, “b”, “c” trong so sánh dulcan. Trong đó, CT1 có chiều cao trung bình cao nhất đạt 113,44cm được xếp ở mức “a”. Đường kính thân trung bình ở các công thức khác biệt là không rõ ràng dao động từ 0,73cm đến 0,75cm và đều được xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Về chỉ tiêu số nhánh trên cây, ở CT1 và CT2 cho số nhánh dao động từ 12 đến 13 nhánh và được xếp cùng mức “a” trong so sánh dulcan. CT3 cho số nhánh ít hơn là 8 nhánh xếp ở mức “b” trong so sánh dulcan.

Như vậy, trong ba loại phân bón lót là phân hữu cơ sinh học Nông Lâm, Phân vi sinh Sông Gianh, phân NPK (5:10:3) thì phân hữu cơ sinh học Nông Lâm có ảnh hưởng tốt hơn đến khả năng sinh trưởng phát triển của lá, thân cây dưa Mật.

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón lót tới ra hoa, kết quả của dưa Mật

Qua bảng 2 cho thấy: Với độ tin cậy 95%, ở các công thức thí nghiệm cho tổng số hoa đực trung bình dao động từ 50,89 hoa đến 59,61 hoa và đều được xếp ở cùng mức “a” trong so sánh dulcan. Số hoa cái, dao động từ 4,28 hoa đến 5,55 hoa ở ba công thức, với độ tin cậy 95% thì được xếp theo các mức giảm dần là “a”, “b”, “c” trong so sánh dulcan. Trong đó,

CT1 cho trung bình số hoa cái đạt cao nhất 5,55 hoa được xếp ở mức “a”. Về thời gian ra hoa đực, hoa cái sự biến động không đáng kể. Thời gian ra hoa đực chỉ dao động từ 24 ngày đến 25 ngày cùng xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Thời gian ra hoa cái dao động từ 34,33 đến 35 ngày đều được xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Hai chỉ tiêu về thời gian ở các CT thí nghiệm tuy có sự khác nhau nhưng sự sai khác không có ý nghĩa trong so sánh dulcan.

Như vậy, xét về mặt tổng thể thấy CT1 (phân hữu cơ sinh học Nông Lâm) có ảnh hưởng tốt hơn đến khả năng ra hoa của cây dưa Mật. Và thời gian sau trồng đến ra hoa đực, hoa cái sớm cũng sớm hơn so với CT2 (phân vi sinh Sông Gianh), CT3 (phân NPK 5:10:3).

Qua bảng 3 cho thấy, với độ tin cậy 95% ở các công thức thí nghiệm cho tỷ lệ đậu quả dao động từ 36,39% đến 52,49% được xếp ở mức “a” và “b” trong so sánh dulcan. Trong đó CT1 và CT2 có tỷ lệ đậu quả lần lượt là 52,49%, 46,49% được xếp ở mức “a”, CT3 cho tỷ lệ đậu quả thấp hơn đạt 36,39%. Với các loại phân bón lót khác nhau cho khối lượng quả và chất lượng quả cũng khác nhau, CT1 và CT2 cho khối lượng quả trung bình lần lượt là 2,53 kg và 2,47 kg, chất lượng quả được đánh giá cao ở mức (+++). CT3 cho khối lượng quả và chất lượng quả là kém nhất, khối lượng quả trung bình chỉ đạt 1,83 kg và chất lượng quả ở mức (++)

Bảng 3. Ảnh hưởng của một số loại phân bón lót tới sự ra quả của dưa Mật

CTTN	Loại phân bón	Tỷ lệ đậu quả (%)	Khối lượng quả (kg)	Chất lượng quả
CT1	Phân hữu cơ sinh học Nông Lâm	52,49 ^a	2,53 ^a	+++
CT2	Phân vi sinh Sông Gianh	46,49 ^a	2,47 ^a	+++
CT3	Phân NPK Lâm Thao (5:10:3)	36,39 ^b	1,83 ^b	++
	LSD _{0,5}	8,49	0,14	
	CV%	8,3	2,8	

(+++): Quả ngọt, thơm, giòn; (++) Quả ngọt vừa, thơm, giòn

Kết quả thu được trong bảng 2 và bảng 3 cho thấy: bón lót phân hữu cơ sinh học Nông Lâm cho cây dưa Mật giúp cho cây ra hoa, kết quả, sinh trưởng quả tốt hơn so với sử dụng phân bón lót là Phân hữu cơ Sông Gianh và phân NPK Lâm Thao (5:10:3).

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón thúc đến sinh trưởng thân, lá của dưa Mật

Bảng 4. Ảnh hưởng của một số loại phân thúc tới sự sinh trưởng thân, lá của dưa Mật

CT TN	Loại phân bón	Chỉ tiêu sinh trưởng lá				Chỉ tiêu sinh trưởng thân		
		Số lá (lá)	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Màu sắc lá	Chiều cao (cm)	Đường kính thân (cm)	Số nhánh/cây (nhánh)
CT1	NPK Lâm Thao(5:10:3)	13,33 ^b	18,47 ^a	14,24 ^a	Xanh nhạt	96,89 ^a	0,74 ^a	9,00 ^b
CT2	NPK Lâm Thao(12:5:10)	14,53 ^a	18,84 ^a	14,68 ^a	Xanh	99,07 ^a	0,74 ^a	13,00 ^a
CT3	NPK Đầu Trâu(17:10:5)	13,89 ^a	19,88 ^a	15,08 ^a	Xanh thẫm	103,06 ^a	0,73 ^a	15,00 ^a
	LSD _{0,5}	1,02	2,60	1,25		15,67	0,01	5,36
	CV%	3,20	6,00	3,80		6,90	0,70	3,20

Qua bảng 4 cho thấy: Về chỉ tiêu sinh trưởng lá: Các công thức thí nghiệm có tổng số lá trung bình dao động từ 13,33 lá đến 14,53 lá được xếp ở hai mức “a” và “b” trong so sánh dulcan. Khả năng sinh trưởng lá ở CT3, và CT2 cho tổng số lá trung bình nhiều hơn đạt 13,89 lá đến 14,53 lá cùng xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Đồng thời màu sắc lá ở CT2, CT3 cũng xanh hơn thể hiện sự sinh trưởng lá mạnh hơn so với CT1. Việc sử dụng các loại phân bón thúc khác nhau không tác động rõ ràng đến kích thước lá. Chỉ tiêu dài lá, chiều rộng lá đều được xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Như vậy, việc sử dụng phân NPK Lâm Thao (12:5:10) và phân NPK Đầu Trâu (17:10:5) để bón thúc có ảnh hưởng tốt hơn so với phân NPK Lâm Thao (5:10:3) về sinh trưởng lá cây dưa Mật.

Về chỉ tiêu sinh trưởng thân: Chiều cao cây và đường kính thân không biểu hiện sự sai khác rõ ràng với độ tin cậy 95% và đều được xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. Số nhánh ở các công thức thí nghiệm biến động từ 9 đến 15 nhánh, được xếp ở hai mức “a” và “b” trong so sánh dulcan. Trong đó CT2, CT3 có số nhánh nhiều hơn đạt 13 đến 15 nhánh được xếp cùng mức “a”. CT1 cho số nhánh ít hơn chỉ đạt 9 nhánh và được xếp ở mức “b”. Mặc dù không thể hiện rõ sự sai khác về chiều cao và đường kính thân, nhưng xét về mật số học, CT2 và CT3 có ưu thế hơn về chiều cao, đường kính thân và số nhánh.

Như vậy, qua ba chỉ tiêu đánh giá trên thấy rằng CT3 (phân NPK Đầu Trâu 17:10:5) và CT2 (phân NPK Lâm Thao 12:5:10) có ảnh hưởng tốt hơn so với CT1 (phân NPK Lâm Thao 5:10:3) đến sinh trưởng thân, nhánh cây dưa Mật.

Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón thúc đến sinh trưởng thân, lá của dưa Mệt**Bảng 5.** Ảnh hưởng của một số loại phân thúc tới sự ra hoa của dưa Mệt

CTTN	Loại phân bón	Thời gian ra hoa đực (ngày)	Số hoa đực/cây (hoa)	Thời gian ra hoa cái (ngày)	Số hoa cái/cây (hoa)
CT1	NPK Lâm Thao(5:10:3)	24,33 ^a	46,88 ^a	35,00 ^a	4,37 ^a
CT2	NPK Lâm Thao(12:5:10)	24,00 ^b	46,17 ^a	34,33 ^a	4,32 ^a
CT3	NPK Đầu Trâu(17:10:5)	24,67 ^a	37,72 ^b	35,33 ^a	3,78 ^b
	LSD _{0,5}	1,31	5,85	1,19	0,38
	CV%	2,4	5,9	1,5	4,0

Bảng 6. Ảnh hưởng của một số loại phân bón thúc đến sự ra quả của dưa Mệt

CTTN	Loại phân bón	Tỷ lệ đậu quả (%)	Khối lượng quả (kg)	Chất lượng quả
CT1	NPK Lâm Thao(5:10:3)	44,31 ^b	1,85 ^c	++
CT2	NPK Lâm Thao(12:5:10)	52,87 ^a	2,43 ^a	+++
CT3	NPK Đầu Trâu(17:10:5)	42,54 ^b	2,23 ^b	++
	LSD _{0,5}	5,44	0,16	
	CV%	5,2	3,2	

(+++): Quả ngọt, thơm, giòn; (++) Quả ngọt vừa, thơm, giòn

Kết quả thu được trong bảng 5 cho thấy, thời gian ra hoa đực ở các công thức thí nghiệm dao động từ 24 đến 25 ngày, CT2 ra hoa sớm nhất là 24 ngày sau trồng, xếp ở mức “b”. CT1 và CT3 ra hoa muộn hơn và xếp ở mức “a”. Số lượng hoa đực ở các công thức có sự biến động khác nhau. Trong đó CT1 và CT2 cho số hoa đực trung bình đạt 46,88 hoa, và 46,17 hoa, cùng được xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan. CT3 số hoa đực ít nhất là 37,72 hoa và xếp ở mức “b”.

Thời gian ra hoa cái biến động từ 34,33 đến 35 ngày và xếp cùng mức “a” trong so sánh dulcan. Số lượng hoa cái ở các công thức thí nghiệm dao động từ 3,78 đến 4,37 hoa đực xếp theo thứ tự giảm dần với các mức “a”, “b” trong so sánh dulcan. Trong đó, CT1 và CT2 có số lượng hoa cái lần lượt là 4,37 hoa và 4,32 hoa. CT3 có số hoa cái thấp nhất đạt 4,28 hoa xếp mức “b”. Như vậy, các công thức cho giá trị khác nhau là có ý nghĩa.

Như vậy, việc bón thúc bằng phân NPK Lâm Thao (5:10:3) và phân NPK Lâm Thao (12:5:10) có ảnh hưởng tốt hơn so với phân NPK Đầu Trâu (17:10:5) về sự ra hoa đực, hoa cái ở cây dưa Mệt.

Qua số liệu bảng 6, với độ tin cậy 95% tỷ lệ đậu quả ở CT2 cho tỷ lệ đậu quả cao nhất đạt 52,87% xếp ở mức “a” trong so sánh dulcan; CT1, CT3 đạt lần lượt là 44,31%, 42,54% xếp ở mức “b”. Về chỉ tiêu khối lượng quả, với độ tin cậy 95% khối lượng quả dao động từ 1,85kg đến 2,43kg và được xếp theo thứ giảm dần ở các mức “a”, “b”, “c” trong so sánh dulcan. Trong đó CT2 cho khối lượng lớn nhất 2,43kg được xếp ở mức “a”. Về chất lượng quả, ở CT2 cho chất lượng quả ngọt hơn CT1 và CT3, quả ngọt, thơm, giòn và được đánh giá ở mức (+++).

Như vậy, với thí nghiệm về phân bón thúc qua số liệu thu được từ bảng 5 và bảng 6 cho thấy rằng bón thúc bằng phân NPK Lâm Thao (12:5:10) cho cây dưa Mệt có ảnh hưởng tốt ra sự ra hoa, kết quả.

KẾT LUẬN

1. Sử dụng phân hữu cơ sinh học Nông Lâm để bón lót cho cây dưa Mật giúp cây sinh trưởng phát triển tốt. Cụ thể:

Sau trồng 35 ngày, chiều cao trung bình đạt 113,44cm, đường kính thân đạt 0,75 cm, số nhánh đạt 13 nhánh, số lá đạt 14,22 lá, lá có màu xanh thẫm.

Sau trồng 45 ngày, số hoa đực là 59,61 hoa, số hoa cái ra là 5,55 hoa. Tỷ lệ đậu quả đạt 52,49%, trọng lượng quả khi chín đạt 2,53kg, chất lượng quả tốt (quả ngọt, thơm, giòn).

2. Bón thúc cho cây dưa Mật bằng phân bón NPK Lâm Thao (12:5:10) có tác động tốt đến sinh trưởng thân lá. Cụ thể:

Sau trồng 35 ngày chiều cao trung bình đạt 103,06 cm, đường kính thân đạt 0,73 cm, số nhánh đạt 15 nhánh, số lá đạt 13,89 lá, lá có màu xanh thẫm.

Sau trồng 45 ngày, số hoa đực là 46,17 hoa, số hoa cái ra là 4,32 hoa. Tỷ lệ đậu quả đạt 52,87%, trọng lượng quả khi chín trung bình đạt 2,43kg, chất lượng quả tốt (quả ngọt, thơm, giòn).

SUMMARY

RESEARCH THE INFLUENCE OF USE FERTILIZERS ON GROWTH AND DEVELOPMENT OF HONEYDEW MELON

Vũ Thị Anh, Nguyễn Văn Hồng*, Trần Thị Ty
College of Agriculture & Forestry - TNU

The experiment for studying the effects of fertilizer application on the growth and development of honeydew melon was conducted on a number of fertilizers are widely used in the market. The results of the experiments show that: (i) basal fertilizing organic Biology of Agriculture and Forestry have a positive impact on the growth and development of honeydew melon plants. Specifically, after 35 days planting, the average height is 113.44 cm, 0.75 cm diameter, the branch at 13 branches, 14.22 dark green leaves. There are 59.61 male flowers a tree, 5.55 female flowers a tree. Fruiting rate is 52.49%, a ripe fruit weight is 2.53 kg, quality of fruit is good; (ii) putting by Lam Thao NPK (12:5:10) have the best impact on the growth and development of Honeydew Melon plants. Specifically, after 35 days planting, the average height is 103.06 cm, 0.73 cm diameter, the branch at 15 branches, 13.89 dark green leaves. There are 46.17 male flowers a tree, 4.32 female flowers a tree. Fruiting rate was 52.87%, a ripe fruit weight is 2.43 kg, quality of fruit is good.

Key words: basal fertilizers, top dressing fertilizers, growth, development, honeydew melon.

Phân biệt khoa học: TS. Lê Sỹ Lợi – Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

* Tel: 0987 875 852; Email: bachhopflowers2007@gmail.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Minh Châu (1998), *Cẩm năng sử dụng phân bón*, Nxb Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất, Hà Nội.
2. Phạm Tiến Dũng (2003), *Hướng dẫn sử dụng phần mềm IRRISTAT 4.0*, Nxb Nông nghiệp.
3. Hoàng Văn Phụ, Đỗ Thị Ngọc Oanh (2002), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu trong trồng trọt*, Nxb Nông nghiệp.
4. Vũ Hữu Yên (1995), *Giáo trình phân bón và cách bón phân*, Nxb Nông Nghiệp.
5. Great-workout.com (February, 2009), *Honeydew Melon Nutrition Facts*. Retrieved February 14, 2009, from <http://www.great-workout.com/nutrition/fruit/honeydew-melon-nutrition-facts.cfm>.
6. Food Price Search – Food & Agri. Products Daily Market Price in China. Retrieved February 15, 2009, from <http://www.21food.com/news/foodprice.jsp?sdate=2009-02-15&product=honeydew%20melon>.